



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2010

Trình độ đào tạo:	ĐẠI HỌC
Ngành:	QUẢN TRỊ KINH DOANH
Chuyên ngành đào tạo:	QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG QUÁT
Loại hình đào tạo:	CHÍNH QUI

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành quản trị kinh doanh có năng lực chuyên môn, năng lực thực hiện nhiệm vụ độc lập và hợp tác trong lĩnh vực quản trị tổ chức, có phẩm chất tốt, và đạo đức nghề nghiệp, khả năng thích nghi môi trường kinh doanh, xã hội thay đổi và đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2. Chuẩn đầu ra:

1.2.1. Kiến thức

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên nắm vững các kiến thức sau :

- Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế như: kinh tế chính trị, kinh tế học, luật kinh tế...
- Kiến thức về Ngành và lĩnh vực kinh doanh.
- Kiến thức liên quan đến khả năng thực thi 4 chức năng của quản trị : hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra trong mọi lĩnh vực: sản xuất, tài chính, marketing, nguồn nhân lực... tại mọi vị trí, cấp bậc quản trị, từ quản trị viên cho đến nhà quản trị cấp cao.
- Hệ thống kiến thức toàn diện liên quan đến chiến lược của một tổ chức, lãnh đạo, điều hành một doanh nghiệp, kiến thức liên quan tới việc phối hợp một cách có hệ thống toàn bộ các hoạt động chức năng của tổ chức.
- Kiến thức liên quan đến việc nhận diện những cơ hội kinh doanh hấp dẫn và khởi nghiệp thành công một tổ chức kinh doanh.

1.2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, thông hiểu toàn bộ các vấn đề của môi trường kinh doanh mà tổ chức đang hoạt động.
- Kỹ năng ra quyết định, bao gồm tất cả các quyết định thuộc mọi cấp, từ cấp tác nghiệp cho đến cấp chiến lược; thuộc mọi chức năng, sản xuất, tài chính, marketing, nhân sự..., đặc biệt là kỹ năng ra quyết định trong một môi trường thay đổi nhanh chóng như hiện nay.
- Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm. Sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh được rèn luyện và phát triển các kĩ năng liên quan đến việc thấu hiểu con người, kĩ năng truyền thông, tương tác với người khác, kĩ năng lãnh đạo để đạt được các mục tiêu mà tổ chức mong muốn.
- Kỹ năng giao tiếp, truyền thông, hợp tác... liên quan đến việc duy trì mối quan hệ với nhà cung cấp, khách hàng, cộng đồng kinh doanh hay các bên hữu quan.
- Kỹ năng tìm kiếm và nhận thức cơ hội kinh doanh, kĩ năng sáng tạo để hình thành các cơ hội kinh doanh mới, kĩ năng tìm kiếm, liên kết các nguồn lực của bản thân để khởi nghiệp...

- Các kỹ năng liên quan tới việc gia tăng hiệu quả làm việc của bản thân như kỹ năng tư duy, làm việc độc lập, sáng tạo, kỹ năng sống và làm việc trong điều kiện môi trường căng thẳng, khắc nghiệt...

- Kỹ năng liên quan tới việc truyền thông, giao tiếp bằng ngoại ngữ với trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 500 hoặc tiếng Pháp DELF A2 hoặc có chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF).

- Những kỹ năng cơ bản về tin học và khả năng ứng dụng các phần mềm vào quản lý doanh nghiệp.

1.2.3. Thái độ và hành vi

- Thể hiện các hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức chung của xã hội

- Có đạo đức nghề nghiệp, không kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ có ảnh hưởng không tốt tới người tiêu dùng, môi trường và xã hội.

- Quan tâm đến sự phát triển của nhân viên, nguồn lực quan trọng của tổ chức; sự phát triển của các đối tác, nhà cung cấp, nhà phân phối, khách hàng, cộng đồng kinh doanh..., coi đó là nền tảng, là điều kiện để tổ chức phát triển bền vững trong dài hạn.

- Tôn thờ các giá trị của một doanh nhân chân chính như: giá trị của việc làm giàu một cách chân chính; doanh nhân chân chính là người tìm kiếm lợi nhuận, sự thịnh vượng trên cơ sở đem lại giá trị tốt đẹp cho cộng đồng; coi việc làm giàu chân chính là mục tiêu, là niềm mơ ước của cuộc đời.

- Thông hiểu giá trị to lớn nhất mà một nhà quản trị hay một doanh nhân đem lại cho cộng đồng đó chính là những hàng hóa, dịch vụ có ích cho người tiêu dùng và cộng đồng; đó là việc làm, là lợi ích mà người lao động của tổ chức có được; đó là việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý các nguồn lực đầu vào; đó là việc nộp thuế một cách đầy đủ và chính xác...

- Có nhận thức đúng đắn, lòng đam mê và trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

- Có thái độ tích cực, chủ động, tinh thần cầu tiến và cam kết cao trong công việc.

- Có ý thức kỉ luật tốt đối với bản thân cũng như công việc.

- Tôn trọng cấp dưới, đồng nghiệp và cấp trên. Duy trì mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với bạn bè, đồng nghiệp, cấp dưới cũng như cấp trên, hay các bên hữu quan.

1.3. Cơ hội nghề nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có cơ hội:

- Làm việc và thăng tiến nghề nghiệp trong các doanh nghiệp và các tổ chức ở các cấp quản trị.

- Năng lực khởi nghiệp và thành đạt trong kinh doanh.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Qui trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: (39 tín chỉ)

7.1.1 Lý luận chính trị

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	2120201	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
2	2120251	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
3	2120211	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
4	2120061	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
Tổng			10

7.1.2 Khoa học xã hội

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
5	2160362	Kinh tế ngành	2
6	2110042	Luật kinh tế	2
7	2110011	Pháp luật đại cương	2
8	2110051	Xã hội học	2
Tổng			8

7.1.3 Ngoại ngữ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
9	4270011	Ngoại ngữ đại cương 1	3
10	4270021	Ngoại ngữ đại cương 2	2
11	4270031	Ngoại ngữ đại cương 3	2
Tổng			7

7.1.4 Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
12	2110061	Phương pháp định lượng trong kinh tế	3
13	2150011	Tin học đại cương	3
14	3250041	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
15	3250011	Toán cao cấp 1	3
16	3250021	Toán cao cấp 2	2
Tổng			14

7.1.5 Giáo dục thể chất

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
17		Giáo dục thể chất	5

7.1.6 Giáo dục quốc phòng

STT	Mã học phần	Tên học phần	
18		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: (86 tín chỉ)

7.2.1 Kiến thức cơ sở

7.2.1.1 Kiến thức cơ sở khối ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
19	2130851	Kinh tế vi mô	3
20	2111221	Kinh tế vĩ mô	3
Tổng			6

7.2.1.2 Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
21	2150022	Kinh tế lượng	3
22	2160082	Marketing căn bản	3
23	2100012	Nguyên lý kế toán	3
Tổng			9

7.2.2 Kiến thức ngành chính

7.2.2.1 Kiến thức chung của ngành chính

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
24	2130032	Quản trị học	3
25	2130972	Quản trị chất lượng toàn diện	3
26	2130072	Quản trị chiến lược	3
27	2130042	Quản trị nguồn nhân lực	3
28	2130052	Quản trị tài chính	3
29	2130062	Quản trị Marketing	3
Tổng			18

7.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu của ngành chính

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
30	2130163	Khởi sự kinh doanh	3
31	2130873	Lãnh đạo	3
32	2130183	Lý thuyết và thiết kế tổ chức	3
33	2130122	Quản trị chuỗi cung ứng	3
34	2130912	Quản trị dự án	3
35	2130132	Quản trị sản xuất	3
Tổng cộng			18

7.2.3 Kiến thức bổ trợ ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
36	2130882	Phát triển kỹ năng quản trị	3
37	2100022	Kế toán tài chính	3
38	2130092	Nghiên cứu Marketing	3
39	2150062	Hệ thống thông tin quản lý	3
Tổng cộng			12
Chọn ít nhất 11 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:			
40	2010011	Phương pháp NCKH	2
41	2130773	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	2
42	2130903	Quản trị đánh giá kết quả thực hiện công việc	2
43	2130922	Quản trị sự thay đổi	3
44	2140562	Quản trị ngân hàng	3
45	2100073	Kế toán quản trị	3
46	2100082	Kiểm toán căn bản	3
47	2130212	Quản trị công nghệ và cải tiến	3
48	2160023	Hành chính công	3
49	2161022	Quản trị quan hệ khách hàng	3
50	4270252	Tiếng Anh quản trị	3
51	4270262	Tiếng Anh kinh doanh	3

7.2.4 Đề án môn học, thực hành và hoạt động ngoại khóa

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
52	2130223	Đề án Khởi sự kinh doanh	2
53		Hoạt động ngoại khóa	2 tuần

7.2.5 . Thực tập cuối khóa

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
Hình Thức 1			
54	2130743	Bảo vệ báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
55		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn.	6
Hình Thức 2			
56	2130823	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp*	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

7.2.6. Lộ trình học (*đính kèm theo chương trình đào tạo này*)

**HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**